

Số: 75/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối
ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 403/TTr-UBND và Báo cáo số 403/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu:

Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phục vụ cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII đã đề ra.

2. Định hướng đầu tư:

a) Tập trung đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng; phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh, trung tâm kinh tế - chính trị huyện Kỳ Anh; xây dựng nông thôn mới; các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

b) Ưu tiên đầu tư các lĩnh vực trọng tâm: Phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng kết nối tới các khu du lịch, dịch vụ, công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thu hút vốn đầu tư; từng bước hoàn thiện hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, rác thải; nâng mức đầu tư cho y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ;

c) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về đầu tư công; đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nhà nước, như: Kiểm soát chặt chẽ và ưu tiên bố trí vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản; Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang, chuyển tiếp do cấp tỉnh quyết định đầu tư trong giai đoạn 2011-2015; khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải trong đầu tư xây dựng cơ bản;

d) Đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương giai đoạn 2016-2020. Không bố trí vốn đầu tư công vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư.

Điều 2. Tổng mức vốn đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020

Tổng mức vốn đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là 8.604,023 tỷ đồng. Trong đó: Dự phòng chưa phân bổ là 696,479 tỷ đồng; Số đưa vào phân bổ chi tiết là 7.907,274 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Vốn ngân sách tập trung: 2.858,267 tỷ đồng.
- b) Tiền thu cấp quyền sử dụng đất: 4.750 tỷ đồng
- c) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 37,473 tỷ đồng.
- d) Vốn tín dụng đầu tư phát triển: 261,534 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo).

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 100/NQ-QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong giai đoạn 2016-2020 đảm bảo theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (không bố trí vốn ngân sách nhà nước để thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014); thu hồi các khoản ứng trước; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP);

b) Các dự án chuyển tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành và các địa phương;

c) Sau khi bố trí cho các nội dung nói trên, số vốn còn lại (nếu có) mới được bố trí cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Trong đó, ưu tiên bù đắp phần còn thiếu cho các dự án khởi công mới sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn tín dụng đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020.

d) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công.

3. Các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản. Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực.

4. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, đối với từng nguồn vốn, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn (quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật Đầu tư công và Điều 7 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP).

5. Việc phân cấp quản lý, thực hiện phân bổ nguồn vốn cho các cấp ngân sách, trước mắt chưa giao cân đối cho các huyện, thị xã, thành phố chủ động quyết định phân bổ mà để thực hiện những công trình, dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý nhưng do tỉnh quyết định đầu tư. Việc phân cấp nguồn vốn phải được thực hiện theo lộ trình gắn với phân cấp quản lý đầu tư và quản lý nhà nước về loại và cấp công trình.

Điều 4. Phương án phân bổ

Việc phân bổ các nguồn vốn ngân sách địa phương được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể theo các nguồn vốn như sau:

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.750 tỷ đồng, bao gồm:
 - 1.1. Đã phân bổ trong kế hoạch các năm 2016 và năm 2017 là 1.750 tỷ đồng.
 - 1.2. Giai đoạn 2018-2020 là 3.000 tỷ đồng, trong đó:
 - a) Ngân sách cấp huyện và cấp xã hưởng theo phân cấp: 2.250 tỷ đồng
 - b) Ngân sách tỉnh hưởng: 750 tỷ đồng, phân bổ như sau:
 - Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 200 tỷ đồng;
 - Hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng các dự án: 50 tỷ đồng;
 - Đối ứng kinh phí đo vẽ bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; xây dựng hệ thống thông tin TNMT; điều tra, đánh giá phân hạng đất; kinh phí định giá đất; đo mới, chỉnh lý bản đồ địa chính; quy hoạch sử dụng đất,...: 80 tỷ đồng;
 - Các dự án quan trọng, cấp bách khác của địa phương: 420 tỷ đồng.
 - (Chi tiết theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo).
2. Ngân sách tập trung: 2.858,267, phân bổ như sau:
 - 2.1. Đã phân bổ trong kế hoạch các năm 2016 và năm 2017 là 1.109,44 tỷ đồng;
 - 2.2. Kế hoạch vốn giai đoạn 2018-2020 là 1.748,827 tỷ đồng, phân bổ như sau:
 - a) Các khoản chi chung không phân bổ cho các huyện, ngành là 612,09 tỷ đồng, trong đó:
 - Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch hàng năm (10%): 61,209 tỷ đồng;
 - Trả nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 142,283 tỷ đồng;
 - Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA: 150 tỷ đồng;
 - Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương: 258,598 tỷ đồng. Trong đó: Bổ sung phần vốn còn thiếu các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 là 101 tỷ đồng, Bố trí các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương là 157,598 tỷ đồng.
 - b) Số vốn còn lại là 1.136,738 tỷ đồng từ nguồn Ngân sách tập trung, phân bổ theo tỷ lệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện như sau:
 - Các ngành, đơn vị cấp tỉnh (50%) là 568,369 tỷ đồng;
 - Các huyện, thị xã, thành phố (50%) là 568,369 tỷ đồng.
 - (Chi tiết theo các Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 ban hành kèm theo).

3. Nguồn thu xổ số kiến thiết là 37,473 tỷ đồng, phân bổ cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và lĩnh vực y tế theo tỷ lệ như sau:

a) Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề (70%) là 26,231 tỷ đồng;

b) Lĩnh vực y tế (30%) là 11,242 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo).

4. Vốn tín dụng đầu tư phát triển 261,534 tỷ đồng: Thực hiện theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Nhóm giải pháp huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020

a) Huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư phát triển thông qua các hình thức xã hội hóa đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục đào tạo, môi trường,... tập trung xây dựng và áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư theo hình thức BOT, BT, PPP,... huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân đầu tư cơ sở hạ tầng; khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nông thôn mới và các lĩnh vực xã hội. Lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, dân cư với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

b) Triển khai rà soát lại các cơ chế chính sách đã ban hành giai đoạn 2011-2015 đồng thời cơ cấu lại các khoản chi, đảm bảo hợp lý, theo hướng đảm bảo khả thi nguồn vốn Ngân sách tỉnh dành cho đầu tư phát triển.

c) Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan ngoại giao để tiếp xúc, gỡ gỡ, xúc tiến, vận động, thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (ODA, FDI, NGO) để phục vụ phát triển KT-XH. Trong đó, đối với các dự án ODA do địa phương quản lý, giai đoạn 2016-2020 phải thực hiện theo cơ chế cho vay lại, do vậy cần rà soát, lựa chọn kêu gọi những dự án thực sự thiết thực, có hiệu quả, đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực để hoàn trả; không kêu gọi đầu tư những dự án chưa thực sự cần thiết, không đáp ứng các mục tiêu phát triển của địa phương.

d) Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, cần có chính sách ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, sản phẩm có sức cạnh tranh cao tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia có tiềm lực vốn lớn, công nghệ mạnh. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị. Hạn chế các dự án khai thác khoáng sản không gắn với chế biến; không cấp phép đối với các dự án sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

2. Nhóm giải pháp tăng cường quản lý đầu tư công

a) Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là các quy định mới ban hành; đồng thời, triển khai kịp thời việc

rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến quản lý đầu xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và quy định hiện hành của Nhà nước. Thường xuyên rà soát để đảm bảo các chương trình, dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Đi đôi với việc ưu tiên bố trí vốn để giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả các khoản vốn ứng trước, các cấp, các ngành phải tăng cường các biện pháp không để phát sinh nợ đọng mới. Hạn chế tối đa việc ứng trước vốn kế hoạch. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ đối với từng dự án và phải bảo đảm có nguồn thanh toán vốn ứng trước và có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

c) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định

3. Nhóm giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị chủ đầu tư xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch theo đúng danh mục và mức vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hằng năm. Chủ động, tăng cường công tác tập huấn triển khai thực hiện Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; nhất là đào tạo, bồi dưỡng đối với những cán bộ trực tiếp được giao xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai và chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn do cấp mình quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất phần ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng chỉ được dành cho đầu tư phát triển, trong đó chủ yếu tập trung ưu tiên thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đảm bảo phần đối ứng ba cấp thu hút nguồn lực tối đa của trung ương; việc phân bổ phải đảm bảo nguyên tắc chung được quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm theo quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện hoàn thành dự án.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết theo quy định, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.



Lê Đình Sơn

HÒND TỈNH HÀ TỈNH
KHÓA XVII, KỶ HỌP THỨ 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Phụ lục 01. KẾ HOẠCH TRUNG HẠN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Trong nước	Nước ngoài	
	TỔNG SỐ	8.604.023	8.604.023	-	
I	Dự phòng (10%)	696.749	696.749		
II	Phân bổ chi tiết (90%)	7.907.274	7.907.274	-	
1	Ngân sách XDCB tập trung	2.858.267	2.858.267		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	4.750.000	4.750.000		
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	37.473	37.473		
4	Vốn tín dụng đầu tư phát triển	261.534	261.534		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TỈNH

**Phụ lục 02. DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				
	TỔNG SỐ		4.259.340	1.650.164	2.835.566	2.029.054	3.000.000	
A	ĐÃ PHÂN BỐ CÁC NĂM 2016-2017				1.750.000	1.750.000		
B	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2018-2020		4.259.340	1.650.164	1.085.566	279.054	3.000.000	
I	Phản huyện, xã hưởng						2.250.000	
II	Phản tỉnh hưởng						750.000	
(1)	Hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng các dự án						50.000	
(2)	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới						200.000	Phân bổ chi tiết theo nhu cầu và khả năng nguồn vốn trong kế hoạch hằng năm
(3)	Đổi ứng kinh phí đo vẽ bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; xây dựng hệ thống thông tin TNMT; điều tra, đánh giá phân hạng đất; kinh phí định giá đất; đo mới, chỉnh lý bản đồ địa chính; quy hoạch sử dụng đất,...						80.000	
(4)	Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương		4.259.340	1.650.164	1.085.566	279.054	420.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
a	Dự án chuyển tiếp							
1	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh (giai đoạn 1)	406; 05/2/2016	150.000	150.000	5.000	5.000	65.000	
2	Đường Lê Duẩn kéo dài đoạn phía Nam Vincom đến đường Nguyễn Xí, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	3622; 18/9/2015	44.864	44.864	10.000	10.000	15.000	
3	Đường nối QL 1A đến Mỏ sắt Thạch Khê	1969; 14/8/2006 2562/SGTVT-KH; 30/7/2014	609.645	231.035	524.887	146.277	45.000	
4	Mở rộng, nâng cấp đường tỉnh lộ 9, đoạn từ cầu Hộ Độ đến trung tâm huyện Lộc Hà	4168 23/12/2013	482.742	112.118	446.156	88.317	10.000	
5	Đường Phúc Trạch - Hương Liên, huyện Hương Khê	3446; 13/11/2014	79.691	79.691	22.300	22.300	5.000	
6	Đường GTNT xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn	434; 08/2/2017	7.384	7.384	3.000	3.000	4.000	
7	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 2)	2763; 04/10/2016	195.017	41.954	21.223	4.160	9.000	
8	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê	1092; 09/5/2016	229.465	91.786	5.000		20.000	
9	Củng cố, nâng cấp tuyến đê biển, đê cửa sông kết hợp giao thông dọc bờ biển (giai đoạn 2), đoạn qua xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	2825; 10/10/2016	148.209	88.209	3.000		30.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				
10	Nâng cấp đường giao thông biên giới Tây - Lĩnh - Hồng	3089; 31/10/2016	81.896	81.896	15.000		10.000	
11	Cầu Hương Thủy, huyện Hương Khê	3199; 30/10/2017	48.478	48.478	30.000		10.000	
12	Thanh toán KLHT các dự án thuộc Đề án phát triển dân tộc Chứt, xã Hương Liên, huyện Hương Khê		10.000	10.000			10.000	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>							
1	Chỉnh trang Quảng trường thành phố Hà Tĩnh	3142; 30/10/2017	27.891	27.891			15.000	
2	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn phục vụ phòng, chống ngập lũ cho nhân dân xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê	3156; 30/10/2017	41.040	41.040			15.000	
3	Phản vốn nhà nước tham gia Dự án Cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh	2342/QĐ-BGTVT; 28/7/2016	1.695.000	250.000			10.000	
4	Cầu Hà Linh, huyện Hương Khê	2821; 29/9/2017	47.000	47.000			15.000	
5	Cầu Vực Nậm xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn	3173; 30/10/2017	43.970	43.970			10.000	
6	Cầu Liên Hòa xã Đức Liên, huyện Vũ Quang	3174; 30/10/2017	81.000	81.000			20.000	
7	Đường trục chính KDL Nam Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên	2774/QĐ-UBND 26/9/2017	25.494	25.494			20.000	
8	Tuyến đường nội vùng Khu du lịch Xuân Thành, đoạn từ cầu Đông Hội đến sân Golf, xã Xuân Thành	2820; 29/9/2017	26.000	20.800			20.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
9	Đường Huyện lộ 19 đoạn qua xã Đức An, huyện Đức Thọ	3158; 30/10/2017	98.840	39.840			20.000	
10	Nâng cấp tuyến đường ĐH.141 (đoạn từ QL1 đến Cầu Ái) xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh	3069; 20/10/2017	31.000	31.000			14.000	
11	Đường nội vùng xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ	3284; 06/11/2017	43.006	43.006			20.000	
12	Đường giao thông nội vùng xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê.	3168; 30/10/2017	11.708	11.708			8.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 03. DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH XDCB TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khế công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
	TỔNG SỐ		19.951.081	7.294.260	-	7.869.490	2.751.330	9.577.934	3.637.575	2.495.984	1.039.440	
A	DỰ PHÒNG									70.559	9.350	
B	THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC									62.000	62.000	
C	DỰ ÁN THUỘC CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ		9.001.795	4.621.176	-	2.681.634	1.067.287	4.224.763	1.864.191	1.370.709	559.340	
I	HUYỆN CẨM XUYỀN		842.776	567.557	-	79.535	77.535	373.674	257.488	138.981	39.477	
(I)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Đường vào trung tâm xã Cẩm Thăng	1528 31/5/2010	63.645	61.645	1919, 28/7/2015	36.299	34.299	30.474	28.474	1.000	1.000	
2	Kè chống sạt lở bờ sông Rác đoạn qua xã Cẩm Lạc, Cẩm Trung huyện Cẩm Xuyên	3399; 24/10/2011	104.701	92.701				71.500	59.500	5.000	5.000	
3	Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê biển, đê cửa sông xã Cẩm Trung	454; 24/02/2009	126.320	49.134				90.029	42.843	900	-	
4	Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê biển, đê cửa sông Lọc Hà, huyện Cẩm Xuyên	1178; 06/4/2011	98.042	76.042				44.384	22.384	26.696	9.627	
5	Dự án: Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	3178, 04/12/2007	109.167	104.167				27.487	22.487	4.500	-	
6	Đường giao thông các xã miền núi Cẩm Duệ-Cẩm Thăng-Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên	2882; 05/10/2010	65.319					49.300	23.300	4.500	2.000	

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XD CB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Trong đó: Đã bỏ tri kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Lau, xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên	2593; 19/9/2017	23.762	23.762			2.000	2.000	16.335	3.000		
2	Kê chống sạt lở bờ sông Ngân Mọ đoạn sau hạ lưu trấn xã Iô hò Kê Gò, huyện Cẩm Xuyên	1806/QĐ-UBND ngày 01/7/2014	26.852	26.852			19.000	19.000	950	950		
3	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Cẩm Hòa (tuyến đường 20/7)	4634; 2/12/2015	19.990	19.990			2.000	2.000	8.700	7.000		
4	Đường Giao thông Cẩm Hưng - Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên	1246/QĐ-UBND ngày 07/5/2013	49.515	49.515			5.500	5.500	8.000	8.000		
5	Đường giao thông thôn thôn nam Yên - Yên Thành xã Cẩm Nam đi xã Cẩm Dương	173/QĐ-UBND ngày 18/1/2016 UBND	14.715	14.715			2.000		2.000	2.000		
6	Đường vào Nhà thờ Nguyễn Đình Liễn, huyện Cẩm Xuyên	2879/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	9.631	9.631			2.000	2.000	2.300	-		
7	Cầu Chợ Chùa và đường hai đầu Cầu, huyện Cẩm Xuyên	2779/QĐ-UBND ngày 23/9/2010	36.523	36.523	2974/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	43.236	43.236	28.000	28.000	2.000	-	
b	Dự án khởi công mới										-	
1	Đường Cẩm Dương - Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên	301; 22/01/2015 572/HĐND 20/11/2015	89.794						55.000	-		



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Trường THCS Minh Lạc	Số 62/QĐ-UBND ngày 07/01/2015	4.800	2.880					900	900		
II	HUYỆN CAN LỘC		552.443	345.596	-	-	-	284.350	120.899	66.857	29.909	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Tôn tạo nâng cấp và mở rộng khu DTLS Xô Viết Nghệ Tĩnh Ngã 3 Nghén	2032 6/7/2009	92.773	10.085				85.354	3.600	3.389	3.000	
2	Đường từ xã Trường Lộc vào trung tâm miền núi xã Gia Hạnh	1123, 4/4/2010	48.532	48.532				14.000	6.800	1.000	-	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng trung huyện Can Lộc	807; 23/3/2011	128.070	88.070				71.000	57.700	15.000	3.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường liên huyện Song Lộc - Thuần Lộc, huyện Can Lộc	2797, 25/9/2014; 3640; 26/11/2014	34.678	18.678				12.000	8.000	8.000	8.000	
5	Nâng cấp đê Tả Nghén từ K0+00 đến K4+064,17 - Giai đoạn I	3591; 08/12/2010	58.972	33.972				37.000	15.000	8.500	5.000	
6	Kê chống sạt lở Kênh T9 thuộc xã Phúc Lộc và xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc	873; 25/3/2011	22.186					16.799	2.799	1.155	-	
7	Đường giao thông liên xã Khánh Lộc- Gia Hạnh, huyện Can Lộc	845; 25/3/2011	42.417	24.417				26.000	8.000	3.500	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đường giao thông nối thôn Chi Lê đi trung tâm xã đi Chợ Cường xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc	3420; 01/9/2015	9.128	9.128				2.000	2.000	6.000	3.000	
2	Đường Xô Viết kéo dài, thị trấn Nghén, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	3236; 5/10/2011	86.792	86.792				11.000	11.000	15.913	3.509	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
3	Cầu Đồng Huệ, xã Vương Lộc, huyện Can Lộc	1885/QĐ-UBND ngày 20/5/2015	12.787	12.787			4.000	4.000	2.000	2.000		
4	Nhà học 3 tầng trường THCS Xuân Diệu	476 18/2/2014	8.650	8.650			5.197	2.000	1.000	1.000		
b	Dự án khởi công mới											
1	Trường tiểu học xã Song Lộc, huyện Can Lộc	1815 14/5/2015	7.458	4.475					1.400	1.400		
III	HUYỆN ĐỨC THỌ		735.458	304.660	-	92.208	17.508	383.665	221.689	65.494	30.312	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đường từ Nhà thờ đi khu mộ và lên căn cứ địa Phan Đình Phùng	1240 8/5/2008	83.087	8.387	1327; 12/5/2010	92.208	17.508	76.650	2.400	2.001	-	
2	Nâng cấp trạm bơm và hệ thống tưới tiêu vùng trọng điểm lúa huyện Đức Thọ	2534; 27/8/2010	121.772	86.772				72.900	54.000	5.500	-	
3	Đường liên xã Đức Lâm-Đức An- Tân Hương	940; 10/4/2014	58.834	23.834				30.000	25.000	1.000	-	
4	Đường giao thông nông thôn xã Đức Hòa	1992; 17/7/2014; 3638; 26/11/2014	34.272	14.272				13.000	9.000	2.000	-	
5	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Thọ	3979/QĐ-UBND; 25/10/2013	14.868	7.958				7.326		2.300	2.300	
6	Kê bờ tá sồng La đoạn qua xã Trường Sơn và Liên Minh, huyện Đức Thọ	2018; 17/7/2008	76.196					51.760	21.760	1.800	-	
7	Đường trục chính nội từ Tỉnh lộ 5 vào trung tâm xã Đức Lạng, huyện Đức Thọ	131; 13/01/2010	66.741					40.529	30.529	9.500	3.000	
b	Dự án khởi công mới											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Đường Huyện lộ 19 đoạn qua xã Đức An, huyện Đức Thọ	3158; 30/10/2017	98.840							7.683	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường giao thông nông thôn xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ	4255; 26/12/2013	5.374	5.374			4.000	4.000	1.000	1.000		
2	Hệ thống tiêu úng các xã Tùng Ảnh - Thị trấn - Đức Yên, huyện Đức Thọ	2135; 31/7/2014	53.329	53.329			19.000	15.000	19.688	13.000		
3	Đường vào trung tâm xã Đức Lập, huyện Đức Thọ	1527; 31/5/2010	56.128	56.128			54.000	54.000	2.000	-		
4	Đường giao thông xã Đức Vinh, huyện Đức Thọ	3016; 10/10/2014	12.924				8.500		4.000	4.000		
5	Nhà học bộ môn Trường THCS Nguyễn Biểu, huyện Đức Thọ	4326 31/12/2014	4.911	2.947			2.000	2.000	1.000	1.000		
6	Đường nội vùng Cụm CN-TTCN Đức Thọ	2528; 25/9/2007	32.054	32.054			4.000	4.000	1.012	1.012		
b	Dự án khởi công mới										-	
1	Nhà học 2 tầng 06 phòng Trường MN xã Đức Long	2563; 13/9/2016	6.306	3.784					2.000	2.000		
2	Đường giao thông xã Đức Lập, huyện Đức Thọ (Tuyến HL20 và TL06)	102; 12/01/2016	9.822	9.822					3.000	3.000		
IV	HUYỆN HƯƠNG KHÊ		803.337	462.580	-	153.492	45.372	285.015	203.575	273.150	122.106	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường phòng tránh lũ Hà Linh - Phương Mỹ (Giai đoạn 1)	1603 20/5/2011	42.300				24.431	16.431	4.500	3.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Trung tâm văn hóa huyện Hương Khê	1625 15/6/2007	14.111	1.511	3655; 20/11/2013	19.449	6.849	16.600	4.000	2.500	2.500	
3	Đường giao thông các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đô, Phúc Trạch - Giai đoạn 1,2,3	295 5/2/2009	75.520		2289 12/8/2014	134.043	38.523	92.106	63.606	18.407	18.407	
4	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Khe Cen - Hồ Võ, xã Hương Giang	33; 06/01/2014	45.472					10.459	10.459	12.500	3.000	
5	Đập ông Lâm, bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê	3129; 26/9/2011	4.808					4.098		243	-	
6	Công trình thủy lợi Khe Gát, xã Hương Trà, huyện Hương Khê	2140, 13/8/2007	9.477					7.336		750	-	
7	Đường vào trung tâm xã Hòa Hải, Hương Bình, huyện Hương Khê	2917; 8/10/2010	75.760					60.660	50.660	5.900	5.000	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Kè chống sạt lở bờ sông Ngân Sáu đoạn qua xã Hương Trạch	2360 19/7/2011	46.828	46.828				9.000	9.000	12.000	6.000	
2	Cầu Trộ, Cầu Đát xã Hương Thủy, huyện Hương Khê	907, 29/10/2014	19.000	8.132				3.000	3.000	8.000	-	
3	Kè chống sạt lở bờ sông Ngân Sáu qua xã Lộc Yên	719, 26/2/2015	45.000	19.000				4.000	4.000	20.901	-	
4	Cầu Nhà Rôm và đường giao thông thôn 11, thôn 12 xã Hương Giang, huyện Hương Khê	3989; 15/10/2015	14.486	14.486				6.619	6.619	3.000	3.000	
5	Đường giao thông nông thôn xã Hương Đô, huyện Hương Khê	3613; 18/9/2015	14.445	12.000				4.000	4.000	9.531	9.531	
6	Đường giao thông Ngọc Lau - Muc Bài - Hương Xuân, xã Hương Vĩnh	6005; 25/12/2014	8.993	8.993				5.906		3.000	3.000	
7	Đường nối dài thôn 3 đi thôn 13 qua cầu Ngã 3 xã Hương Giang, huyện Hương Khê	6046; 26/12/2014	8.577	8.577				5.000		3.000	3.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Chi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
8	Đường giao thông nông thôn xã Hương Long (Hl01), huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	3961 12/12/2014	9.581	9.581				3.000	3.000	1.000	-	
9	Đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào đường trục chính xã Hương Long, huyện Hương Khê	1329/QĐ-UBND ngày 16/4/2015	9.151	6.000				5.000	5.000	2.000	2.000	
10	Đường Phúc Trạch - Hương Liên, huyện Hương Khê	3446; 13/11/2014	79.691	79.691				7.300	7.300	53.250	15.000	
11	Đường giao thông vào khu tái định cư mới đồng bào dân tộc Chứt, bản Ráo Tre, xã Hương Liên	3857; 07/10/2015	36.973	23.000				14.000	14.000	12.000	12.000	
12	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Phú Gia, huyện Hương Khê	3484/QĐ-UB 14/11/2014	6.461	3.500				2.500	2.500	1.900	1.900	
b	Dự án khởi công mới										-	
1	Cầu Hà Linh, huyện Hương Khê	2821; 29/9/2017	47.000	47.000						10.000	-	
2	Cầu Ráo Ngầm xã Hương Lâm	3159; 30/10/2017	20.988	20.988						10.000	-	
3	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn phục vụ phòng, chống ngập lũ cho nhân dân xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê	3156; 30/10/2017	41.040	39.000						13.000	-	
4	Cầu Chợ Hòm xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê	294; 02/02/2016	47.000	47.000						30.268	19.268	
5	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào trung tâm xã Hương Thủy, huyện Hương Khê	3134; 30/10/2017	44.298	44.298						20.000	-	
6	Khu tái định cư đồng bào dân tộc Chứt, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	3469; 1/12/2016	14.041	14.041						8.000	8.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
7	Đường giao thông nông thôn xã Hương Giang, huyện Hương Khê	2944; 19/10/2016	10.988	4.000					4.000	4.000		
8	Trường THCS Hòa Hải, Huyện Hương Khê	954/QĐ-UBND 23/3/2015	7.100	3.000					2.000	2.000		
9	Nhà học 3 tầng 12 phòng Trường tiểu học xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	698 23/3/2016	5.737	3.442					1.500	1.500		
V	HUYỆN HƯƠNG SƠN		780.642	434.154		326.103	122.603	363.253	103.131	143.091	70.312	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường giao thông đến xã Sơn Bằng - Sơn Lễ (Giai đoạn 1)	163; 20/01/2010	104.784	64.784				50.291	10.291	6.551	3.000	
2	Kè chống sạt lở bờ sông ngăn phò đoạn qua xã Sơn Bằng	1459; 23/5/2010	14.991	1.501				13.561		621	-	
3	Đường Tây Lĩnh Hồng đi khu di tích Hải Thượng Lãn Ông (Đường vào trung tâm xã Sơn Quang)	3863; 31/12/2008 và 745; 21/3/2011	148.062	78.062	4041; 20/10/2015	172.736	102.736	72.224	18.163	25.107	13.000	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 8B nội quốc lộ 8A - Giai đoạn 1	866/QĐ-UBND ngày 25/3/2011	138.000	132.000				31.500	25.500	12.000	3.000	
5	Đường ứng cứu lũ xã Sơn Diêm, huyện Hương Sơn	1524; 31/5/2010	102.937					25.177	20.177	18.000	9.000	
6	Đường giao thông liên xã Sơn Bình - Sơn Tân, huyện Hương Sơn (giai đoạn 2)	1651; 16/6/2014	21.434	10.964				9.000	1.000	6.500	2.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường nối cầu Mỹ Thịnh với Quốc lộ 8A	1284; 05/05/09	97.633		3370; 23/10/09	153.366	19.866	136.500	3.000	16.500	5.500	
2	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn	3329; 13/10/2011	35.892	35.893				22.000	22.000	11.512	6.512	
3	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Phố Diệm, huyện Hương Sơn	3236/QĐ-UB 29/10/2014	6.482	6.482				3.000	3.000	2.300	2.300	
b	Dự án khởi công mới										-	
1	Cầu Trung Lưu xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn	4171; 30/10/2015	41.000	41.000				-	-	27.000	19.000	
2	Cầu Vực Nấm xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn	3173; 30/10/2017	43.970	43.970				-	-	10.000	-	
3	Nâng cấp đường trục chính xã qua thôn Chế Biền, thôn Quyết Thắng và đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Sơn Kim 2 huyện Hương Sơn	2462; 31/8/2016	10.498	10.498				-	-	4.000	4.000	
4	Cầu tràn thôn 10 và đường hai đầu cầu, xã Sơn Hồng	4990; 29/12/2015	14.959	9.000				-	-	3.000	3.000	
VI	HUYỆN KỶ ANH		871.540	385.697	-	453.838	263.838	490.464	184.164	122.554	66.320	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường đi dân vùng lũ xã Kỳ Thọ	1789, 22/6/2010	97.503	67.503				18.500	3.500	12.000	-	
2	Củng cố, nâng cấp đê Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh	2374; 19/7/2011	164.260	79.260	4078, 22/10/2015	174.670	89.670	110.955	52.455	25.433	18.970	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
3	Củng cố, nâng cấp đê Hải - Thu huyện Kỳ Anh	583; 08/3/2011	211.298	106.298	2222, 10/8/2016	219.209	114.209	170.200	65.200	29.000	25.500	
4	Hồ chứa nước Khe Cỏ, xã Kỳ Khang	1395; 21/5/2014	13.990	5.990				12.000	4.000	703	703	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Đường cứu hộ công trình thủy lợi hồ chứa nước Rào Trỏ và phát triển vùng Thượng - Tây, huyện Kỳ Anh	1226, 13/4/2015 4168, 30/10/2015; 2899, 06/10/2017	135.000							19.271		-
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Đường giao thông liên xã Đất Đỏ - Thầu Đậu, nối liền từ Kỳ Giang đi Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh	2970/QĐ-UBND ngày 21/10/2008	25.957	25.957	2152/QĐ-UBND ngày 17/7/2013	59.959	59.959	37.000	37.000	12.000	12.000	
2	Cầu trần Bến Xát, xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh	409/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	20.876	20.876				16.009	16.009	4.000	4.000	
3	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Kỳ Hải, Kỳ Anh	1833 15/5/2015	3.767	2.260				800		2.200	2.200	
4	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học xã Kỳ Bắc, Kỳ Anh	1995; 26/5/2015	3.390	2.034				1.000	1.000	2.000	2.000	
5	Cải tạo nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Anh	3008; 16/11/2007 106, 14/1/2009	119.980					119.000		484	484	
6	Trụ sở làm việc tạm thời của Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và một số cơ quan đoàn thể huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1790/QĐ-UBND 14/05/2015	10.050	10.050				5.000	5.000	463	463	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
b	Dự án khởi công mới											
1	Nâng cấp tuyến đường ĐH.141 (đoạn từ QL1 đến Cầu Ai) xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh	3069; 20/10/2017	31.000	31.000						5.000	-	
2	Các tuyến đường giao thông quanh khu vực trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh	3810; 23/12/2016 1626; 16/6/2017	34.469	34.469						10.000	-	
VII	HUYỆN LỘC HÀ		754.478	180.877	-	608.742	96.425	632.919	82.953	86.118	25.184	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Dự án nâng cấp tuyến đê biển, đê cửa sông kết hợp giao thông dọc bờ biển (Giai đoạn 1)	1583; 9/6/2008	138.841	93.841				67.872	22.872	9.500	6.500	
2	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân các xã ven biển huyện Lộc Hà - Giai đoạn 1	3920, 27/12/2010.	180.641		3246; 29/10/2014	126.000		19.537		14.207	4.000	
3	Mở rộng, nâng cấp đường tỉnh lộ 9, đoạn từ cầu Hồ Độ đến trung tâm huyện Lộc Hà	3165 03/12/2007	214.438		4168 23/12/2013	482.742	96.425	436.003	49.686	16.085	4.585	
4	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm hành chính huyện Lộc Hà và các cụm dân cư dọc TL9 (GD2)	1495; 30/5/2014; 3647; 26/11/2014	43.867					27.000		2.184	1.184	
5	Hạ tầng kỹ thuật trụ sở HDND - UBND và các cơ quan khối dân huyện Lộc Hà	1757; 19/06/2012	38.759	18.759				16.138	3.895	3.000	3.000	
6	Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện Lộc Hà	3875; 24/12/2010	12.675					11.500		227	-	
7	Khu xử lý rác huyện Lộc Hà	3584 11/11/2011	54.342					50.369	2.000	2.000	2.000	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Nhà học 3 tầng, 15 phòng, Trường THCS Bình An Thịnh, huyện Lộc Hà	2093; 29/7/2014	7.650	7.650				4.500	4.500	2.415	2.415	
b	Dự án khởi công mới											
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Hồng Lộc - Phù Lưu, huyện Lộc Hà	540, 24/02/2017	56.669	56.669						35.000	-	
2	Nhà học 2 tầng 12 phòng Trường THCS Hồng Tân, huyện Lộc Hà	1473 24/4/2015	6.597	3.958						1.500	1.500	
VIII	HUYỆN NGHI XUÂN		584.176	333.550	-	221.816	45.900	285.925	60.009	71.618	27.863	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân, giai đoạn I	1984; 08/7/2010	178.922	98.922	4002, 15/10/2015	59.115		46.048	16.000	8.450	8.000	
2	Đường giao thông liên xã Tiến Điền - Xuân Yên	3268, 12/11/2010	35.560	5.560	926; 10/4/2017	41.213	41.213	31.163	8.163	8.000	2.000	
3	Nâng cấp đê Hội Thống từ K0+00 đến K5+00	2826, 28/9/2010	109.219	57.219				65.364		474	-	
4	Dự án Củng cố, bảo vệ nâng cấp đê Hội Thống Km5+00-Km12+250, huyện Nghi Xuân	1071/QĐ-UBND ngày 17/4/2008	73.574		2697, 17/9/2010	116.801		99.504		112		
5	Kè nạo vét lạch xã Xuân Thành	3555, 8/11/2010	11.265					9.000	1.000	261	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Sửa chữa nâng cấp Đập Đồng Tráy, huyện Nghi Xuân	1194/QĐ-UBND ngày 8/4/2011	42.441	42.441				8.616	8.616	1.000	-	
2	Đường giao thông nông thôn trục 2 xã Xuân Hội	3015, 10/10/2014	4.516	4.516				3.000	3.000	1.240	1.000	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Chi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
3	Sửa chữa, gia cố tuyến đường Con Ho xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	3793; 05/12/2014	9.933	9.933				2.000	2.000	4.863	2.863	
4	Đường tránh lũ cho xã Xuân Hồng đi qua thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân	3936; 12/12/2014	11.525	11.525				2.000	2.000	2.000	-	
5	Đường giao thông nông thôn giữa Đồng Kỳ đi Đồng Trầm vào khu trồng rau sạch công nghệ cao xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	1205; 09/4/2015	9.374	9.374				5.000	5.000	800	-	
6	Đường trục ngang ra biển và vào khu chăn nuôi tập trung, sản xuất rau củ quả công nghệ cao xã Cổ Đạm	4147, 28/10/2015	10.516	10.516				2.000	2.000	4.918	-	
7	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Đan Trường Hội, huyện Nghi Xuân	3714/QĐ-UB 12/01/2014	4.890	4.890	2122/QĐ-UBND ngày 13/10/2015	4.687	4.687	2.000	2.000	1.000	1.000	
8	Nhà học 2 tầng 16 phòng, Trường THCS Cương Gián, huyện Nghi Xuân	1398 ngày 21/4/2015	9.226	9.226				3.000	3.000	3.000	3.000	
9	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường Mầm non xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân.	1635/QĐ-UBND ngày 07/5/2015	10.441	10.441				4.000	4.000	2.000	2.000	
10	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường Tiểu học xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân	02/QĐ-SKH, 06/1/2015	2.244	2.244				1.230	1.230	500	500	
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở huyện ủy Nghi Xuân	3016; 005/8/205	6.750	6.750				2.000	2.000	2.000	2.000	
b	Dự án khởi công mới											
1	Đường giao thông liên thôn Yên Thông - Yên Hải, xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân	4813/QĐ-UBND ngày 16/12/2015	8.517	8.867				-	-	4.000	4.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa, huyện Nghi Xuân	3722; 24/9/2015 735, 22/3/2017	32.422	32.422						17.000	-	
3	Nhà học 2 tầng 06 phòng Trường Tiểu học và THCS Xuân Linh, huyện Nghi Xuân	2757/QĐ-UBND ngày 16/7/2015	2.843	1.706						1.500	1.500	
4	Đường giao thông phục vụ sản xuất nuôi trồng thủy sản	3360;	9.998	9.998						8.500	-	
IX	HUYỆN THẠCH HÀ		715.681	313.728	-	379.035	142.818	393.438	195.701	76.453	26.943	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCC (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đường giao thông xã Thạch Liên	1124, 03/4/2011	39.400					17.078	1.578	12.999	6.000	
2	Đường vào trung tâm các xã Thạch Điền, Nam Hương, Thạch Hương, Thạch Xuân, huyện Thạch Hà - Giai đoạn I	2212, 30/7/2010	169.563	97.063				63.839	59.839	11.276	7.900	
3	Nâng cấp tuyến đường vào trung tâm xã Thạch Vĩnh	1836; 28/06/2010	75.343	25.343	3740; 25/11/2011; 162, 18/01/2016	42.760		38.540	14.540	3.000	3.000	
4	Nâng cấp đê Hữu Phú huyện Thạch Hà đoạn từ K0+00 đến K10+00	3792; 21/12/2010	192.561	147.561			198.285	116.865	153.944	111.744	7.500	
b	Dự án khởi công mới											
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, thực hiện để án phát triển bền vững kinh tế - xã hội các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê	3140, 27/10/2017	81.296							15.635	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XD CB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Dự án hồ chứa nước Khe Giao thuộc hệ thống thủy lợi Khe Giao huyện Thạch Hà	227/QĐ-UBND, ngày 22/01/2010	112.037	-	2732/QĐ-UBND ngày 15/7/2015	137.990	25.953	112.037	-	11.000	-	
2	Đường giao thông liên thôn xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà	356, 24/01/2014	4.963	4.963				2.000	2.000	2.500	2.000	
3	Đường vào trung tâm xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà	1208, 09/4/2015	14.294	14.294				2.000	2.000	3.500	2.000	
4	Đường GTNT xã Thạch Tiến, huyện Thạch Hà	1228/QĐ-UBND ngày 13/4/2015	6.937	6.937				2.000	2.000	2.000	2.000	
5	Đường giao thông nông thôn kết hợp vào khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà	4139/QĐ-UBND, 28/10/2015	14.987	14.987				2.000	2.000	5.543	2.543	
b	Dự án khởi công mới											
1	Nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà	4644 3/12/2015	4.300	2.580						1.500	1.500	
X	THÀNH PHỐ HÀ TĨNH		719.845	458.063	-	234.103	157.526	187.697	84.737	130.731	48.671	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đường vào trung tâm các xã Thạch Trung, Thạch Hạ - TP Hà Tĩnh	3120; 27/10/2010 867, 25/3/2011	67.703	6.771		103.000	75.773	31.000		37.660	-	
2	Đê phía Tây bờ tả sông Phú, đoạn từ cầu Núi đến cầu Phú, thành phố Hà Tĩnh (toàn bộ dự án)	3399, 28/10/2009	67.139	15.639				27.012	11.512	3.400	3.400	
3	Đê Đồng Môn đoạn từ cầu Cây đến cầu Phú (đoạn từ K11+263 đến K15+585)	2414; 11/9/2007 3433; 04/9/2015	151.352	101.352				12.360	12.360	29.824	13.824	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
4	Đê Đồng Môn đoạn từ cầu Cây đến cầu Phú (đoạn từ K19+450 đến K23+400)	2414, 11/9/2007 3433; 04/9/2015	151.352	101.352				32.800	32.800	2.000	-	
5	Đê Trung Linh, TP Hà Tĩnh đoạn từ Cầu Đồng đến cầu Cây	336; 04/02/2010	54.873	5.523	4101; 23/12/2014	66.571	17.221	56.000	7.500	5.197	5.197	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Môn - Đỉnh, thành phố Hà Tĩnh	1946, 10/7/2014	14.365	14.365				5.500		2.950	2.950	
2	Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường Tiểu học xã Thạch Môn	2537 03/8/2011	3.029	3.029				2.460		200	200	
3	Đường giao thông nội đồng vùng Đồng Ghè, xã Thạch Hà	3966, 12/12/2014	3.489	3.489				2.000	2.000	1.000	-	
4	Phục hồi và phát huy giá trị Văn Miếu	2067; 15/7/2010	74.900	74.900				9.640	9.640	5.000	5.000	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh	3383/QĐ-UB 07/11/2014	10.200	10.200				5.000	5.000	2.900	1.500	
6	Nhà học 3 tầng 15 phòng Trường THCS Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh	389; 28/01/2015	9.854	9.854				3.925	3.925	4.100	4.100	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	2322/QĐ-UBND 16/8/2017	49.845	49.845						20.000	-	
2	Đường bao Sông Cút, đoạn nối từ đường 26/3 đến đường Nguyễn Trung Thiên, phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh	321; 03/02/2016	10.999	10.999						4.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
3	Đầu tư xây dựng các cụm đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh	2550; 02/7/2015	5.881	5.881						2.500	2.500	
4	Đường Lê Duẩn kéo dài đoạn phía Nam Vincom đến đường Nguyễn Xi, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	3622; 18/9/2015	44.864	44.864			64.532	64.532	-	10.000	10.000	
XI	THỊ XÃ HỒNG LĨNH		599.279	357.615	-	64.798	34.798	280.574	166.326	57.325	26.934	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Trung tâm văn hóa thị xã Hồng Lĩnh	2856 28/9/2010	36.103	6.103	3940; 17/11/2014	64.798	34.798	54.050	26.600	3.302	3.000	
2	Nâng cấp mở rộng đường 3/2	2022; 12/7/2010	135.216	105.216				100.170	73.000	14.722	2.500	
3	Nâng cấp, mở rộng đường 19/5	2854; 28/9/2010	56.316	36.316				25.195	13.995	10.466	4.434	
4	Sửa chữa, nâng cấp đường vào trung tâm xã Thuận Lộc (tuyến nhánh)	863; 25/3/2011	27.496	3.000				26.208	5.075	500	500	
5	Đường từ đê La Giang đến khu vực dân cư trung tâm phường Trung Lương, TX Hồng Lĩnh	864; 25/3/2011	17.168					13.000		2.671	2.500	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Đường Lê Hữu Trác, thị xã Hồng Lĩnh	2825; 29/9/2017	120.000							10.000		-
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Đường vào trung tâm Phường Đức Thuận	3232; 5/10/2011	38.454	38.454				29.748	29.748	1.200		-
2	Đường cứu hộ cứu nạn Minh Thanh	3959; 30/12/2010	87.181	87.181				5.430	4.000	5.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
3	Đường vào trung tâm xã Thuận Lộc (tuyến chính)	2329; 14/7/2011	68.134	68.134			14.865	2.000	9.000	9.000		
4	Cầu Tân Hòa, xã Thuận Lộc	3282, 10/10/2011	13.211	13.211			11.908	11.908	464	-		
XII	THỊ XÃ KỶ ANH		352.593	172.186	-	-	31.895	9.000	73.277	9.728		
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Củng cố, nâng cấp đê biển Kỳ Ninh đoạn từ K3+400 đến K8+00	3649; 26/11/2014	227.023	61.242			27.895	5.000	3.280	-		
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào chợ phía Nam phường Sóng Trĩ, thị xã Kỳ Anh	2779; 07/7/2015	5.995	5.995			4.000	4.000	1.478	1.478		
b	Dự án khởi công mới											
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước, Khe Bò, huyện Kỳ Anh	3135; 27/10/2017	19.800	19.800			-	-	17.961	-		
2	Trụ sở làm việc Công an 6 phường thuộc Công an thị xã Kỳ Anh	3101; 23/10/2017	35.982	25.000			-	-	5.000	-		
3	Hệ thống điện chiếu sáng dọc QL 1A đoạn qua thôn Đông Yên, thuộc phường Kỳ Phương và xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh	3170, 30/10/2017	7.454	7.454			-	-	7.308	-		
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính đô thị thuộc Khu tái định cư xã Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh	3665; 08/12/2017	12.296	12.296			-	-	11.000	-		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Công viên Nguyễn Trọng Bình, thị xã Kỳ Anh	3607, 06/12/2017	11.775	11.775			-	-	10.000	-		
6	Kênh thoát nước lòng hồ cầu Kheai, thị xã Kỳ Anh	3666; 08/12/2017	10.130	10.130			-	-	9.000	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
7	Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	2120; 01/8/2016	5.249	5.249					-	2.400	2.400		
8	Đường từ tuyến đường QL1A đi xã Kỳ Hưng vào Chợ thị xã Kỳ Anh, phường Sông Trĩ, thị xã Kỳ Anh	161; 18/01/2016	5.350	5.350					-	1.800	1.800		
9	Mương thoát nước và nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố phường Kỳ Liên	2990; 21/10/2016	989	989					-	800	800		
10	Nhà học 3 phòng và 01 phòng kho Trường tiểu học Kỳ Lợi, phân hiệu Hải Phong	104/QĐ-SKHĐT; 31/10/2016	745	745					-	700	700		
11	Nhà học 3 phòng và nhà vệ sinh Trường mầm non xã Kỳ Lợi, phân hiệu Hải Phong	105/QĐ-SKHĐT; 31/10/2016	695	695					-	650	650		
12	Nhà học 03 tầng 09 phòng Trường mầm non phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh	4952; 25/12/2015	9.110	5.466					-	1.900	1.900		
XIII	HUYỆN VŨ QUANG		689.548	304.926	-	67.965	62.965	231.893	174.518	65.071	35.581		
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-	
1	Đường vào trung tâm xã Sơn Thọ, Vũ Quang	1600; 20/5/2011	63.942	28.942						58.000	34.000	4.000	4.000
2	Dự án Đường Hòa Duyệt - Rủ Nón - Đức Lĩnh - Đức Bông - Đức Hương-Hương Thọ, cửa rào huyện Vũ Quang - Giai đoạn 1	3395; 23/11/2010	184.997	36.999						47.813	43.638	17.881	7.881
3	Đường giao thông liên xã Đức Lĩnh đi thị trấn Vũ Quang	3168; 20/10/2014; 3639; 26/11/2014	31.777	15.777						9.000	5.000	4.000	4.000
9	Hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tập trung huyện Vũ Quang	1734; 01/6/2011	157.628	152.628	846; 28/3/2014	67.965	62.965	35.700	27.100	1.400	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
4	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã Đức Bông, Đức Linh, Đức Giang, Ân Phú huyện Vũ Quang	3958; 30/12/2010	143.449				43.100	36.000	6.500	2.000		
5	Kè sông Ngán Trươi đoạn qua Thị trấn Vũ Quang (giai đoạn 2)	1260; 12/5/2014	19.622				9.000	2.000	2.500	2.500		
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường GTNT xã Hương Thọ, huyện Vũ Quang (tuyến từ thôn 4 đi thôn 5)	2410; 24/6/2015	12.617				2.500		5.200	5.200		
2	Đường giao thông nội thị trấn Vũ Quang	3451, 13/11/2014	38.569	38.569			8.780	8.780	19.390	7.000		
3	Đường vào khu sản xuất, chăn nuôi tập trung vùng Khe Néc Nảy xã Sơn Thọ, huyện Vũ Quang	2283; 12/8/2014	24.603	24.603			18.000	18.000	1.200	-		
b	Dự án khởi công mới										-	
1	Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Liên Hương huyện Vũ Quang	2283; 12/8/2014	5.500	3.300					1.500	1.500		
2	Nhà học 2 tầng 06 phòng Trường MN Sơn Thọ	3055 31/10/2016	6.844	4.106					1.500	1.500		
D	DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC		10.949.286	2.673.083			5.187.856	1.684.043	5.353.171	1.773.384	992.716	408.750
I	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		925.174	125.524			695.021	176.276	649.402	113.599	82.987	26.150
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Bắc Nguyễn	78; 7/1/2011	183.601	63.601	906; 07/4/2014	209.000	89.000	156.000	36.000	28.811	9.000	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh) - Giai đoạn I	3770; 27/11/2009	96.205	17.087	743; 20/03/2014	88.636	9.518	65.214		5.385	2.000	
3	Dự án xây dựng, nâng cấp và mở rộng vùng sản xuất giống lúa năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	280; 26/01/2011	32.475					17.572		988	-	
4	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm nghiệp, phát triển rừng và bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng (giai đoạn I)	3225; 31/10/2012	59.620					27.673	14.000	7.500	-	
5	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Con Trôi, Con Song và Đập Mưng	965; 10/4/2014	26.207					-		2.000	-	
6	Hồ thượng nguồn Sông Tri	1450; 21/7/2005	87.121		2488/QĐ-UBND ngày 08/9/2008	190.820		152.193	12.193	7.500	5.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ Nhà Đường, huyện Can Lộc	3592; 15/12/2008	19.429					16.091		541	-	
8	Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Thứ - Trại tiêu	3494/QĐ-UBND ngày 06/11/2008	39.918					34.246		112	-	
9	Tiểu dự án hồ chứa nước Khe Xai, Hệ thống thủy lợi Khe Giao, huyện Thạch Hà	3627; 16/11/09; 472; 10/02/10; 2929; 07/9/11	171.946	43.139	3977/QĐ-UBND,	206.565	77.758	176.605	47.798	10.000	8.000	
b	Dự án khởi công mới											
1	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản xã Mai Phú và Hộ Độ, huyện Lộc Hà	2000; 18/7/2016	61.315					-		5.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Nâng cấp, mở rộng vùng NTTS xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh	3496; 02/12/2016	60.869							5.000	-	
3	Dự án âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	94/HĐND, 29/3/2017	80.000							8.000	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường tuần tra LN giai đoạn II xã Cẩm Quan	1300; 6/5/2009	2.385					1.908	1.908	204	204	
2	Đường tuần tra BVR Cẩm Thịnh	3641 5/12/2012	2.385					1.700	1.700	446	446	
3	Dự án Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Cồn Tranh	94; 25/7/2014	1.697	1.697				200	-	1.500	1.500	
II	CÔNG NGHIỆP		1.018.957	212.668	-	243.687	68.540	322.845	49.594	54.102	17.158	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Hà Tĩnh	3985/QĐ-UBND 10/12/2013; 1428, 26/5/2014	561.900	84.285				15.000		22.244	9.300	
2	Nhà làm việc liên ngành KV Công B	3001; 14/10/2010	25.044	-	606; 04/3/2014	29.254	4.210	23.638	6.197	3.000	3.000	
3	Trường tiểu học Đại Kim, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn (đề di dời, GPMB khu công nghiệp Đại Kim)	1354, 14/5/2012; 2118, 22/7/2010	20.143	-				18.099	3.397	1.330	1.330	
4	Kê chống sạt lở hai bờ sông Ngân Phố đoạn qua TT Tây Sơn, xã Sơn Kim 2 và xã Sơn Tây	2105; 30/6/2011	42.304	4.230				-	14.331	363	363	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
5	Đường và kè bờ sông Ngàn Phố đoạn từ cầu Tây Sơn đến xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	3254; 30/10/2014	79.163	31.665				47.498		7.000	-	
6	Nhà liên hợp cửa khẩu quốc tế Cầu Treo kết hợp Quốc mìn	136; 13/01/2014	225.388	90.975	2823; 22/7/2015	214.433	64.330	158.000	40.000	17.000	-	
7	Đường trục dọc KCN Gia Lách	1732; 16/06/2010	57.854					43.479		1.896	1.896	
8	Đường và cầu khối 9 thị trấn Tây Sơn, Hà Tĩnh.	159/QĐ-BQL ngày 14/12/2010	6.261	1.513				2.800		1.269	1.269	
III	THƯƠNG MẠI - DU LỊCH		325.562	79.360	-	-	-	100.248	50.000	42.578	14.160	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Dự án: Hạ tầng trung tâm Khu du lịch Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	3395; 31/10/2013	39.826	17.641				24.248	3.000	6.500	6.500	
2	Đường vào KDL Cửa Thờ - Trại Tiểu	2549; 30/8/2010	90.719	61.719				76.000	47.000	3.900	3.500	
b	Dự án khởi công mới											
1	Nâng cấp đường Gia Lách đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân (giai đoạn 2)	2763; 04/10/2016	195.017							32.178	4.160	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
IV	GAO THÔNG VẬN TẢI		2.667.889	637.644	-	1.882.248	376.394	1.986.930	614.720	173.735	88.480	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Cầu Đò Hà	1367; 17/5/2010	49.490	9.490	939; 10/4/2014	60.854	20.854	59.436	37.036	1.042	1.042	
2	Cầu Đồng Văn	1072; 02/6/2003; 3344; 25/10/2013; 3625; 25/11/2014	142.517	52.517				78.000	58.000	4.000	4.000	
3	Đường ứng cứu hồ Ké Gỗ, huyện Cẩm Xuyên	884; 28/3/2010	127.252	38.176				99.000	59.000	16.000	12.000	
4	Đường tránh ngập lũ thành phố Hà Tĩnh - Ké Gỗ - Hương Khê (Km3+490 - Km9+00)	1061; 5/4/2011	217.778		4515; 20/11/2015	167.344	67.344	118.000		22.000	12.000	
5	Cầu Hương Đô	991; 14/4/2014	30.630					22.813	16.113	3.242	3.242	
6	Cầu Đò Đôn xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn	464; 17/02/2014	35.162					24.500	15.000	6.526	6.526	
7	Đường nối QL. 1A đến Mỏ sắt Thạch Khê	1969; 14/8/2006	524.818	143.208	2562/SGTVT-KH; 30/7/2014	609.645	228.035	482.775	101.165	43.072	18.876	
8	Đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng	2117; 30/7/2008	984.244			1.044.405	60.161	776.713	19.713	40.000	18.000	
9	Đường liên huyện miền núi Hồng Lĩnh-Cần Lộc - Lộc Hà - Giai đoạn I	3073; 15/10/2010	157.315	13.000				30.000	13.000	24.890	8.000	
b	Dự án khởi công mới											
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			L.ý kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XD CB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Dự án đường Nam cầu Cây đến cầu Thạch Đồng	4292, 31/12/2009	209.778	209.778				169.144	169.144	4.450	4.450	
2	Dự án đường Phan Đình Phùng kéo dài về phía Tây thành phố Hà Tĩnh (cả đường công vụ)	3602, 13/11/2009	146.359	146.359				126.549	126.549	344	344	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Đường và cầu vào đền thờ cô Tổng Bí thư Lê Duẩn, hồ Ké Gò, huyện Cẩm Xuyên	1353/QĐ-UBND ngày 01/6/2016	24.900	7.470				-	-	6.000	-	
2	Cầu Cơn Đò, thị xã Hồng Lĩnh	1059/QĐ-UBND ngày 04/5/2016	17.646	17.646				-	-	2.169	-	
v	CẤP NƯỚC VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI		456.389	122.217	-	-	-	104.677	31.479	41.578	13.160	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Bộc Nguyễn từ 24.000m ³ /ngày đêm lên 3.000m ³ /ngày đêm	2174, 01/8/2014	21.014	13.659				3.000	3.000	8.500	6.000	
2	Công trình tuyến đường ống cấp nước số 2 từ đập phụ II Ké Gò về hồ chứa nước Bộc Nguyễn	2446/QĐ-UBND ngày 25/6/2015	33.314	33.314				13.000	13.000	8.160	7.160	
3	Hệ thống cấp nước sạch cho các xã Kỳ Trình, Kỳ Hà, Kỳ Ninh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng	1263/QĐ-UBND; 18/4/2011	42.078	1.149				41.198		400	-	
4	Hệ thống xử lý nước thải Khu kỹ túc xã sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.	1700/QĐ-UBND ngày 23/9/2015	8.457	8.457				3.000	3.000	450	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
5	Khu xử lý chất thải rắn huyện Can Lộc	2541; 3/8/2011	53.663	49.663					13.329	9.329	919	-
6	Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Đức Thọ (giai đoạn 2)	1368; 17/5/2010	36.449						31.150	3.150	2.200	-
b	Dự án khởi công mới											-
1	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê	1092; 09/5/2016	229.465								17.849	-
2	Hệ thống đường ống cấp nước sạch phục vụ sản xuất cum CN, tiểu thủ CN Bắc Cẩm Xuyên (NST hỗ trợ không quá 50%)	3061; 07/8/2015	8.996	4.498							2.000	-
3	Đầu tư xây dựng thêm 01 lò đốt rác thải thuộc Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên (NST hỗ trợ không quá 50%)	4174; 30/10/2015	22.953	11.476							1.100	-
VI	VĂN HÓA - THỂ THAO		610.781	268.699	-	59.768	18.481	167.757	71.233	43.621	18.044	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Thư viện tỉnh	3131; 6/11/2008	30.015	7.015	2223; 01/8/2012	41.481	18.481	32.096	9.096	4.000	4.000	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Dự án Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du	3161; 31/10/2017	170.959								16.859	-
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Đường vành đai kiểm đường tránh tại Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc (giai đoạn 1)	2065; 28/7/2014	29.884					8.000		9.044	5.044	
2	Đền thờ Phan Kính, xã Song Lộc, huyện Can Lộc	3367, 28/10/2013	14.610					4.330	3.300	800	800	
3	Sửa chữa, nâng cấp tượng đài chiến thắng Ngã ba Đồng Lộc	1583; 9/6/2014	5.290	5.290				3.400	3.400	1.500	1.500	
4	Đầu tư tu bổ, chỉnh trang Khu di tích Quốc gia đặc biệt Đai thi hào Nguyễn Du	4177; 25/12/2014	26.777	26.777				20.000	20.000	1.700	1.700	
6	Sửa chữa, cải tạo công trình Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh	1698 8/5/2015	7.200	7.200				6.000	6.000	1.128	-	
7	Khu tưởng niệm đồng chí Lý Tự Trọng	2461/QĐ/TWĐ TN ngày 23/9/2011	83.000	23.066				61.800	14.797	4.500	2.000	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đền Thờ và Lăng mộ Lê Khôi	1551; 31/5/2012	31.759	6.352				15.931	14.640	600	-	
9	Tu bổ, tôn tạo Đền Nén, xã Thạch Tiến	1371, 16/5/2008; 3976, 15/12/2014	18.287		3976, 15/12/2014	18.287		16.200		1.490	1.000	
b	Dự án khởi công mới											-
1	Dự án đầu tư Xây dựng nhà bảo tàng tỉnh	Chuẩn bị đầu tư 2016	193.000	193.000						2.000	2.000	
VII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		121.958	121.958	-	98.483	98.483	21.749	21.749	78.693	57.320	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											-
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											-
1	Trạm kiểm định đo lường chất lượng tại Khu kinh tế Vũng Áng	4208/QĐ-UBND; 24/12/2013	23.264	23.264				3.049	3.049	15.000	10.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Hà Tĩnh	2021/QĐ-UBND, 05/7/2013	98.694	98.694	3863/QĐ-UBND, 08/12/2014	98.483	98.483	18.700	18.700	63.693	47.320	
IX	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		86.781	60.496	-	34.754	9.754	29.830	8.030	34.663	11.928	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đài PTTH tỉnh (nhà đất máy, trường quay và nhà làm việc)	880, 28/03/2011	27.902	2.902	407, 29/01/2015	34.754	9.754	27.807	6.007	3.900	2.000	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	4310 31/12/2014	3.992	3.992				1.000	1.000	1.700	1.700	
2	Ứng dụng CNTT trong CCHC tại BQL KKT tỉnh	4195, 02/11/2015	4.195	3.166				1.023	1.023	172	-	
b	Dự án khởi công mới											
1	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2018	2449; 31/8/2016	21.500	21.500						10.186	2.000	
2	Nâng cấp công nghệ thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh	295; 20/01/2017	1.927	1.927						1.200	-	
2	Xây dựng Cum Thông tin đối ngoại tại Khu kinh tế Vũng Áng (02 mặt)	4045; 27/10/2016	4.000	4.000						3.805	1.728	
3	Chuyển đổi hệ thống phát thanh sóng AM sang phát thanh sóng FM của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Tĩnh	712/QĐ-UBND, 20/3/2017	6.483	6.483						6.000	3.000	
4	Nâng cấp hệ thống thông tin và số hóa tài liệu lưu trữ tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh	1910; 12/7/2016	4.926	4.926						2.200	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
5	Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, dữ liệu điện tử từ Chính phủ, bộ, ngành, huyện, thành phố, thị xã	4044; 27/10/2016	8.356	8.100						2.500	1.500	
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý kinh tế - xã hội và dự án đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	316; 06/6/2016	3.500	3.500						3.000	-	
X	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		2.631.732	492.429	-	1.806.462	833.537	1.126.175	561.038	138.377	55.964	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Dự án Xây dựng công trình Trường Đại học Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3472; 24/12/2010	1.497.966		639; 12/2/2015	694.465	308.465	309.825	146.825	18.499	4.000	
2	Trường Chính trị Trần Phú	3689; 23/11/2011	24.850		88; 09/01/2015	25.948		22.389		2.000	1.000	
3	Trường Cao đẳng văn hóa thể thao và du lịch Nguyễn Du	2125 30/6/2011	77.954	77.954				16.150	15.150	10.500	3.000	
4	Trung tâm dạy nghề huyện Hương Khê	1232 14/04/2011	31.808	308	2456 QĐ 23/8/2012	39.200	7.700	32.500	1.000	2.800	-	
5	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3504; 02/11/2011	62.417	35.417	3036; 13/10/2014	113.800	86.800	76.500	52.500	14.000	4.500	
6	Khu kỹ túc xã Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh	3270/QĐ- UBND 19/10/2009	67.804	1.954	390/QĐ- UBND 28/01/2015	80.924	15.074	66.850	1.000	6.823	-	
7	Dự án Khu kỹ túc xã sinh viên Đại học Hà Tĩnh	3535/QĐ- UBND ngày 9/11/2009	433.175	111.252	37/QĐ-UBND ngày 6/1/2011	586.501	222.974	317.877	150.877	5.200	2.000	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị Trần Phú	3205; 13/8/2015	15.317	15.317				1.000	1.000	9.000	8.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Trường trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh	519/QĐ/UB-CN; 20/3/2003	37.643		3387/QĐ-UBND; 31/10/2013	37.643	37.643	25.721	6.150	4.000	2.000	
3	Trường trung cấp nghề Hà Tĩnh	2034; 31/7/2007	59.417		1600; 03/6/2009; 419; 06/02/2014	66.937	7.520	31.802	5.852	7.734	4.734	
4	Trung tâm bồi dưỡng, CBQL và GV ngành giáo dục Hà Tĩnh	2258; 13/8/2008	18.150	18.150	1021; 05/4/2011	23.938	23.938	16.500	16.500	2.130	2.130	
5	Dự án trường THPT Năng khiếu tỉnh	2740; 29/11/2006	59.740	59.740	581; 06/2/2015	89.136	89.136	70.433	70.433	6.400	4.000	
6	Nhà học 02 tầng, 06 phòng Trường THPT Cao Thắng	2203; 31/7/2012; 358; 29/01/2013	3.485	3.482				2.070	2.070	700	-	
7	Trường THPT Hương Sơn	3998; 11/12/2013	44.170	30.487	3112; 11/8/2015	47.970	34.287	39.877	26.700	3.000	3.000	
8	Trường THPT Nguyễn Đồng Chi, huyện Lộc Hà	4125 28/10/2015	35.734	21.440				2.000	2.000	15.991	8.000	
9	Nhà học bộ môn trường THPT Hương Khê	2242/QĐ-UBND; 08/8/2014	5.052	5.052				2.200	2.200	1.000	1.000	
10	Nhà Đa chức năng Trường THPT Hồng Lĩnh	1119 04/4/2011	5.499					4.050	3.050	1.000	-	
11	Nâng cấp cải tạo nhà học 03 tầng 18 phòng Trường THPT Hồng Lĩnh	1169 06/4/2011	3.828					2.100	1.600	1.000	-	
12	Nhà học 3 tầng 15 phòng, Trường THPT Nghèn, huyện Can Lộc	743/QĐ-UBND; 14/3/2012	8.763	8.763				4.500	1.000	2.500	1.000	
13	Nhà học lý thuyết trường THPT Kỳ Anh	2831/QĐ-UBND 29/9/2014	9.567	9.567				5.715	5.715	900	900	
14	Nhà học 3 tầng 15 phòng Trường THPT Nguyễn Trung Thiên	2617/QĐ-UBND 10/9/2014	8.116	4.870				6.116	4.116	1.000	1.000	
15	Trường THPT Nguyễn Đình Liễn, huyện Cẩm Xuyên	2648; 16/9/2010	77.788	56.002				70.000	45.300	2.500	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Chi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bỏ từ kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
b	Dự án khởi công mới											
1	Trường tiểu học Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh	3096 31/10/2016	11.631	5.000						5.000	-	
2	Trường mầm non thị trấn Thạch Hà	1536; 06/6/2017	12.923	12.923						5.000	-	
3	Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường Mầm non xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà	464; 19/2/2016	6.024	3.524						3.000	-	
4	Nhà học 02 tầng 04 phòng Trường MN xã Đức Thịnh	2853; 11/10/2017	4.212	2.527						2.500	1.500	
5	Nhà đa chức năng trường THPT Thành Sen, TP Hà Tĩnh	1886 20/5/2015	4.165	4.165						1.500	1.500	
6	Nhà đa chức năng trường THPT Lê Hữu Trác, Hương Sơn	3007 4/8/2015	4.535	4.535						2.700	2.700	
XI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ VSATTP		666.771	281.530		47.361		397.489	38.317	91.241	20.088	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Bệnh viện y học cổ truyền - Giai đoạn 1	824; 6/5/2005 2201; 18/9/2006 3334; 13/10/2011;	91.427	35.727	3650; 21/9/2015	47.361		43.565	2.900	1.500	1.500	
2	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	1380; 19/5/2008; 1779; 07/6/2011	118.608	3.598				111.990		1.000	-	
3	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	3227/QĐ- UBND 30/10/2012	62.562	35.372				26.113	4.841	7.000	7.000	
4	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Thạch Hà	3228, 30/10/2012	14.980	7.735				7.245		1.500	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	2200/QĐ-UBND ngày 18/9/2006; 3174/QĐ-UBND ngày 29/9/2011	210.696	32.000					203.576	25.576	4.628	4.000		
2	Cải tạo, nâng cấp nhà đa khoa nghiệp vụ thành khu khám bệnh và điều trị ngoại trú; khối hành chính, Bệnh viện đa khoa tỉnh	2929/QĐ-UBND, 06/10/2014	18.498	17.098					5.000	5.000	11.012	7.588		
b	Dự án khởi công mới													
1	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh (giai đoạn 1)	406, 05/2/2016	150.000	150.000							64.601	-		
IX	XÃ HỘI		210.396	66.626					128.957	36.700	121.424	26.600	18.831	7.464
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)													
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp													
1	Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh (GD 1)	1450, 27/5/2008	102.125	37.628	1802, 22/6/2012 693, 09/3/2012	128.957			36.700	73.263	13.100	3.464	3.464	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương													
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp													
1	Cơ sở dạy nghề, GT&GQVL cho người tàn tật	402, 25/01/2006	42.652							17.274	8.000	1.300		
2	Trung tâm DN, GT, GQVL cho người tàn tật tỉnh Hà Tĩnh (DA đường nội đường 22.12)	258, 20/01/2014	2.674	2.674						1.000	1.000	1.000	1.000	
3	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hương Khê	2206 10/6/15	14.049	10.049						5.500	1.500	1.800		

[0] [2] [5] [10] [15] [20]

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
4	Nghĩa Trang liệt sỹ huyện Lộc Hà	2675, 13/9/2012	12.300					9.700		1.000	-	
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa Trang liệt sỹ huyện Can Lộc	2453 26/6/2015	2.100	2.100				1.700	1.000	129	-	
6	Nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ Núi Nài, TP. Hà Tĩnh	2298, 16/8/2016	6.237	3.237				3.500		1.000	-	
7	Cải tạo, nâng cấp nghĩa Trang liệt sỹ thị xã Hồng Lĩnh	3272, 21/10/2013	13.808	2.487				9.487	2.000	3.000	3.000	
b	Dự án khởi công mới											
1	Nhà bia ghi tên các Anh hùng Liệt sĩ thị xã Kỳ Anh	1363; 19/5/2017	14.451	8.451						6.138	-	
XI	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		238.581	116.519		109.237		99.241	79.942	93.103	46.246	
(1)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phần địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh	861; 25/3/2011	21.096					10.810	5.810	236	236	
2	Trạm kiểm soát tam Khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	79/QĐ-BQL; 1/8/2011	6.406					5.299		680	680	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy	2741; 15/7/2015	9.481					4.000		5.000	5.000	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư	2818; 07/10/2016	9.750					5.000		4.800	4.800	
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở tiếp công dân tỉnh Hà Tĩnh	4405; 11/11/2015	3.842	3.842				1.517	1.517	706	706	
4	Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Thạch Hà	2523; 30/6/2015	39.983	39.983				8.300	8.300	22.000	9.000	
5	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	113; 18/01/2010	75.328		3778; 30/9/2015	109.237		64.315	64.315	11.430	8.170	
b	Dự án khởi công mới											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Báo Hà Tĩnh	2790/QĐ-UBND 27/9/2017	18.184	18.184				-		15.597	-	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm Hành chính công tỉnh và Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh	530, 23/2/2017	14.850	14.850				-		7.000	-	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Vũ Quang	3080, 31/10/2016	6.437	6.437				-		1.000	-	
4	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan cấp tỉnh	1440; 07/6/2016	8.100	8.100				-		4.500	4.500	
5	Trang bị nội thất các phòng họp, phòng Truyền thống, phòng Khánh tiết Nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy	3016, 25/10/2016	13.652	13.652				-		13.154	13.154	
6	Đầu tư xây dựng mở rộng, cải tạo trụ sở Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh	2246, 10/8/2017	4.900	4.900				-		2.500	-	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh	2634, 11/9/2017	3.624	3.624				-		3.500	-	
8	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, các hạng mục phụ trợ và phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm Liên minh Hợp tác xã	1493; 02/6/2017	2.947	2.947				-		1.000	-	
XV	QUỐC PHÒNG, AN NINH		989.215	87.413	-	81.878	65.878	225.404	107.084	99.205	32.588	
(t)	Dự án sử dụng ngân sách TW, TPCP (phân địa phương đảm nhận)											
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp											
1	Đầu tư xây dựng công trình Đội phòng cháy, chữa cháy Khu Kinh tế Vũng Áng	2402; 21/5/2011	33.445	5.000				9.830	9.830	6.000	6.000	
2	Dự án cải tạo nâng cấp khu A, mở rộng khu B Doanh trại BCH BĐBP tỉnh	3472, 28/10/2011	34.016		3050, 30/9/2013	49.599	33.599	37.000	21.000	2.000	2.000	
3	Đã rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn Hà Tĩnh	1276; 19/4/2011	502.131					46.060		26.653	-	
b	Dự án khởi công mới											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016, 2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	Dự án Đường giao thông biển giới các xã Hòa Hải, Phú Gia, Hương Vĩnh, Hương Lâm, huyện Hương Khê	791; 31/3/2016	129.805							22.202	6.738	
2	Đường giao thông biển giới xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn	4161, 30/10/2015	80.926							1.000	-	
(2)	Dự án sử dụng ngân sách địa phương										-	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp										-	
1	Đường hầm Sờ Chi huy thời chiến của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (đường hầm số 1, ký hiệu CH3-01)	3798, 30/12/2008	19.594	19.594	3710, 25/11/2013	32.279	32.279	26.100	26.100	5.500	5.500	
2	Hồ chứa nước Khe Mến	1953/QĐ-BTL ngày 26/10/2009	11.004	4.004				10.000	3.000	850	850	
3	Đường từ trung tâm xã Hòa Hải vào Đồn biên phòng 569, huyện Hương Khê	466, 20/2/2012	61.130	17.219				44.260		11.500	6.000	
4	Công trình quân sự trên đảo Sơn Dương	2873; 2/10/2014	75.568					36.000	31.000	9.000	-	
5	Nhà ở bếp ăn Đại đội Cảnh sát Cơ động, phòng Cảnh sát bảo vệ thuộc Công an tỉnh	2436, 21/8/2012	10.646	10.646				8.154	8.154	1.500	1.500	
6	Nhà thờ các anh hùng liệt sỹ - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại tỉnh Bolykhamxay nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	4530, 23/11/2015	30.950	30.950				8.000	8.000	13.000	4.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TỈNH

Phụ lục 04. DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN ĐỐI ỨNG NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HDND ngày 13/12/2017 của HDND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012;2013								Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn đối ứng nguồn Ngân sách tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú		
		Số quyết định	TMDT								Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số		Trong đó: Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2017	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo Tiền Việt)				
				Vốn đối ứng ⁽¹⁾				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾									
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó									
NSTW	Các nguồn vốn khác	Cấp phát từ ngân sách TW	Ngân sách địa phương vay lại														
	TỔNG SỐ		12.067.177	2.715.176	1.288.558	1.426.618	8.548.701	8.153.051	1.279.110	2.659.418	541.231	2.118.187	220.000	70.000			
A	DỰ ÁN HOÀN THÀNH		715.942	208.289	137.038	71.252	507.653	489.635	18.018	656.852	149.199	507.653	17.309	6.000	-		
1	Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác sinh hoạt Hà Tĩnh	2585/QĐ-UBND ngày 05/8/2011	156.880	96.821	67.775	29.046	60.059	42.041	18.018	155.343	95.284	60.059	6.440	1.440			
2	Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Hà Tĩnh (ADB) (Giai đoạn - 1)	1854/QĐ-BNN, 13/8/2013	308.757	51.942	36.359	15.583	256.815	256.815		280.295	23.480	256.815	6.500	2.000			
3	Hợp phần 3, dự án Quản lý rủi ro thiên tai - Tài trợ bổ sung vốn vay WB	643/QĐ-UBND ngày 14/3/2013	72.521	12.521		12.521	60.000	60.000		62.724	2.724	60.000	3.560	2.560			
4	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005	Hiệp định 2273-VIE	177.784	47.005	32.904	14.102	130.779	130.779		158.490	27.711	130.779	809	-			
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP		4.490.296	962.164	485.450	476.714	3.528.132	3.528.132	-	1.992.066	381.532	1.610.534	86.000	44.500			
1	Các dự án do tỉnh làm cơ quan chủ quản		2.621.289	646.789	420.084	226.705	1.974.500	1.974.500	-	1.289.041	277.306	1.011.735	40.500	21.500			
1	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (HIRDP)	3625/QĐ-UBND, 16/11/2009	385.329	82.860	58.002	24.858	302.469	302.469		336.131	44.963	291.168	8.500	4.500			
2	Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã vùng bãi ngang ven biển nhằm đối phó với biến đổi khí hậu (ICDP)	1262/QĐ-UBND, 18/4/2011, 1666/QĐ-UBND 08/6/2012	295.974	56.452	39.516	16.936	239.522	239.522		265.197	34.177	231.020	4.000	3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012;2013							Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn đối ứng nguồn Ngân sách tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:
				Vốn đối ứng ⁽¹⁾			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài tính (tính theo Tiền Việt)			
				Tổng số	NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ ngân sách TW	Ngân sách địa phương vay lại						
3	Phát triển nông thôn bền vững vì người nghèo Hà Tĩnh (SRDP)	2269/QĐ-UBND, 25/7/2013	481.257	135.198	42.582	92.616	346.059	346.059	141.368	16.500	124.868	4.000	1.000		
4	Phát triển các thành phố loại II	1586/QĐ-UBND ngày 5/6/2013 của UBND tỉnh	876.183	217.363	152.152	65.211	658.820	658.820	203.468	91.700	111.768	19.000	9.000		
5	Chương trình tín dụng chuyển ngành JICA	Các Hiệp định	356.852	129.269	109.879	19.390	227.583	227.583	306.554	83.566	222.988	4.000	3.000		
6	Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị liên quan đến biến đổi khí hậu (BI)	Hiệp định cụ thể ký ngày 20/6/2013	225.694	25.647	17.953	7.694	200.047	200.047	36.323	6.400	29.923	1.000	1.000		
11	Các dự án do Bộ ngành TW làm cơ quan chủ quản		1.869.007	315.375	65.366	250.009	1.553.632	1.553.632	703.025	104.226	598.799	45.500	23.000		
1	Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Hồng Lĩnh	3476/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	10.093	1.170		1.170	8.923	8.923	7.000	-	7.000	500	500		
2	Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	3475/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	24.407	1.841		1.841	22.566	22.566	20.000	-	20.000	1.000	1.000		
3	Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn	3477/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	10.201	1.185		1.185	9.016	9.016	8.000	-	8.000	500	500		
4	Dự án Trung học cơ sở khó khăn nhất (giai đoạn 2)	2178/QĐ-BGDĐT, 23/6/2014	32.450	4.500		4.500	27.950	27.950	199	199		3.000	1.000		
5	Dự án phát triển Giáo dục THPT giai đoạn 2	7868/QĐ-BGDĐT, 29/10/2013	29.284	5.909		5.909	23.375	23.375	1.601	1.601		1.000	1.000		
6	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (WB)	3221/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	187.588	38.189		38.189	149.499	149.499	84.724	7.860	76.864	4.000	2.000		
7	Nạo vét và chỉnh trị luồng vào Cảng neo đầu tránh trú bão Cửa Sót - Thạch Kim (thuộc Dự án Quản lý thiên tai VN-Haz/WB5)	1840/QĐ-UBND ngày 26/6/2012, 2633/QĐ-UBND, ngày 12/9/2014	141.165	51.709		51.709	89.456	89.456	31.186	13.477	17.709	2.000	1.000		
8	Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp cơ sở, Hà Tĩnh (Tiểu dự án Khai thác đa mục tiêu Hệ thống thủy lợi Kê Gò - Sông Rác (WB7))	Quyết định 09/QĐ-BNN	703.832	93.380	65.366	28.014	610.452	610.452	452.726	54.600	398.126	1.000	1.000		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012:2013							Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn đối ứng nguồn Ngân sách tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú		
		Số quyết định	TMDT							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo Tiền Việt)	Tổng số		Trong đó:	
				Vốn đối ứng ⁽¹⁾			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾									Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2017
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
	NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ ngân sách TW	Ngân sách địa phương vay lại											
9	Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Hà Tĩnh (ADB) (Giai đoạn 2)		337.043	64.862		64.862	272.181	272.181		33.767	15.000	18.767	16.000	6.000		
10	Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Hà Tĩnh (Jica)	2225/QĐ-UBND, ngày 01/8/2012	196.999	34.539		34.539	162.460	162.460		55.457	6.489	48.968	5.500	1.000		
11	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng dự lịch phục vụ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Hà Tĩnh	QĐ số 280/QĐ-TTg ngày 20/02/2014	195.845	18.091		18.091	177.754	177.754		8.365	5.000	3.365	11.000	8.000		
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI		6.860.939	1.544.723	666.071	878.652	4.512.916	4.135.284	1.261.092	10.500	10.500	-	116.691	19.500		
I	Các dự án do tỉnh làm cơ quan chủ quản		6.035.786	1.424.492	666.071	758.421	3.807.994	3.561.313	1.130.141	4.000	4.000	-	75.691	11.500		
a	Dự án đã được ký Hiệp định															
1	Cải tạo và nâng cấp Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và thoát lũ cho vùng Bắc Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu	1556/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	457.990	117.922	80.000	37.922	340.068	240.018	100.050	4.000	4.000	-	19.000	9.000		
b	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư															
1	Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng các xã vùng ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	2244/QĐ-TTg, 11/12/2014	667.800	333.900	213.696	120.204	333.900	267.120	66.780	-	-	-	16.000	1.000		
2	Dự án Hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung	894/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	464.600	50.600		50.600	414.000	414.000					10.000			
3	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An và Hà Tĩnh" hợp phần tỉnh Hà Tĩnh	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017	1.420.927	390.559	182.375	208.184	1.030.368	590.223	440.145				21.500	1.500		
c	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép lập báo cáo chủ trương đầu tư															

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012;2013							Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn đối ứng nguồn Ngân sách tập trung giai đoạn 2016-2020		Ghi chú	
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:
				Vốn đối ứng ⁽¹⁾			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài tính (tính theo Tiền Việt)			Đã bố trí kế hoạch các năm 2016-2017
				Trong đó:											
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
NSTW	Các nguồn vốn khác	Cấp phát từ ngân sách TW	Ngân sách địa phương vay lại												
1	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đô thị Thạch Hà và Hương Khê - Tỉnh Hà Tĩnh														
-	Tiểu dự án Thạch Hà		787.263	164.343	110.000	54.343	622.920	517.736	105.184			2.000			
-	Tiểu dự án Hương Khê		654.677	118.601	80.000	38.601	536.076	448.254	87.822			2.000			
2	Dự án nâng cấp trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh	110/VPCP-QHQT ngày 05/01/2017	275.000	25.000		25.000	250.000		25.000			2.000			
3	Dự án phát triển đô thị Kỳ Anh		1.231.100	213.900		213.900	213.900	1.017.200	305.160			2.000			
4	Cung cấp thiết bị y tế bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	4403/VPCP-QHQT ngày 24/06/2010	76.429	9.667		9.667	66.762	66.762				1.191			
II	Dự án do các Bộ ngành TW làm cơ quan chủ quản		825.153	120.231		120.231	704.922	573.971	130.951	6.500	6.500		41.000	8.000	
a	<i>Dự án đã được Ký hiệp định</i>														
1	Sầu chầu và nâng cao an toàn hồ đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8)	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.430	25.425		25.425	459.005	390.154	68.851	6.500	6.500		11.000	1.000	
2	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	QĐ 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	289.200	82.200		82.200	207.000	144.900	62.100			25.000	5.000		
3	Dự án "Chương trình đào tạo nghề 2011 - Dự án thành phần 2" tại trung tâm dạy nghề Việt Đức Hà Tĩnh	629/QĐ-UBND ngày 13/3/2010	51.523	12.606		12.606	38.917	38.917				5.000	2.000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 05. DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí		Kế hoạch đầu tư nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2016-2020				Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
TỔNG SỐ											
A	ĐÃ PHÂN BỐ CÁC NĂM 2016-2017		115.851	64.587	38.644	25.118	83.786	37.743	-	7.298	
B	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2018-2020		115.851	64.587	38.644	25.118	76.786	30.743	-	7.298	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		75.450	44.387	25.618	18.718	49.728	20.743	-	2.898	
a	Dự án hoàn thành										
1	Nhà học 03 tầng 09 phòng Trường mầm non phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh	4952/QĐ-UBND ngày 25/12/2015	9.109	4.500	4.700	1.900	4.409	2.600		2.600	
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS, trường Mầm non xã Trường Sơn	134; 12/7/2012	1.402	1.402	1.000	1.000	298	298	-	298	
b	Dự án chuyển tiếp										
1	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh	3234 14/11/2016	6.079	4.000	3.000	3.000	3.079	1.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí		Kế hoạch đầu tư nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB	
2	Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường Mầm non xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc	2556, 12/9/2016	6.840	4.104	3.500	3.500	3.340	500			
3	Nhà học 02 tầng, 06 phòng Trường Mầm non xã Sơn Thọ, Huyện Vũ Quang	3065 31/10/2016	6.844	4.106	2.018	2.018	4.826	1.800			
4	Trường Mầm non xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	697/QĐ-UBND ngày 23/3/2016	6.471	3.883	1.500	1.500	4.971	2.000			
5	Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường mầm non xã Đức Long, huyện Đức Thọ	384 04/2/2016	6.527	3.916	3.200	2.000	3.327	1.500			
6	Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường MN Sơn Trung, huyện Hương Sơn	1406 21/4/2015	9.379	5.000	4.300	2.300	5.079	2.000			
7	Nhà học 2 tầng 06 phòng Trường Tiểu học Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh	1995 26/5/2015	3.389	2.033	900		2.489	1.500			
8	Nhà học 3 tầng 12 phòng Trường tiểu học xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	698 23/3/2016	5.737	3.442	1.500	1.500	4.237	1.500			
c	<i>Dự án khởi công mới năm 2017</i>										
1	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Sơn Hà, huyện Cẩm Xuyên	219 16/1/2015	8.673	5.000			8.673	3.045			
2	Dự án Nhà học bộ môn 02 tầng 06 phòng Trường tiểu học xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà	2633, 31/10/2017	5.000	3.000			5.000	3.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí		Kế hoạch đầu tư nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2016-2020				Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
II	Lĩnh vực Y tế		40.401	20.201	13.026	6.400	27.058	10.000	-	4.400	
a	Dự án hoàn thành										
1	Trạm y tế xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh	2368/QĐ-UBND, 15/8/2014	3.600	1.800	1.690	1.000	1.593	800		800	
2	Trạm Y tế xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh	3176/QĐ-UBND, 12/8/2015	2.788	1.394	1.636	800	1.152	500		500	
3	Trạm Y tế xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân	1791, 28/6/2017	2.357	1.179	500		1.857	1.100		1.100	
4	Trạm Y tế xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh	1111/QĐ-UBND, 13/1/2016	4.490	2.245	800	800	3.690	1.000		1.000	
5	Nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ, Trạm y tế xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà	4627, 1/12/2015	4.496	2.248	2.500	800	1.996	1.000		1.000	
b	Dự án chuyển tiếp										
1	Trạm Y tế xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Xuyên	4697 ngày 7/12/15	3.742	1.871	2.700	1.500	1.042	300			
2	Nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Hương Liên, huyện Hương Khê	4135/QĐ-UBND ngày 24/12/ 2014	4.863	2.432	1.500	1.500	3.363	900			
3	Nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ, Trạm y tế xã Việt Xuyên, huyện Thạch Hà	4772/QĐ-UBND ngày 10/12/2015	3.453	1.727	1.700		1.753	1.000			
c	Dự án khởi công mới										

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí		Kế hoạch đầu tư nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2016-2020				Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
1	Trạm Y tế xã Ngọc Sơn, huyện Thạch Hà	2557/QĐ-UBND. 2/7/2015	3.058	1.529			3.058	1.000			
2	Trạm Y tế xã Cẩm Vinh, huyện Cẩm Xuyên	1382/QĐ-UBND ngày 02/6/16	4.200	2.100			4.200	1.400			
3	Trạm Y tế xã Hà Linh, huyện Hương Khê	4158/QĐ-UBND 30/10 /2015	3.354	1.677			3.354	1.000			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH